

Bản án số: 43/2021/HS-ST

Ngày: 21-7-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Mai Nam Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Đăng Ninh, ông Nguyễn Văn Hạnh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 tại xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà La Thị M; có chồng là Vũ Văn N1 và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 tại xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có chồng là Lê Văn K (đã chết) và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Nga Sơn nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nghi vấn có hành vi đánh bạc tại nhà Nguyễn Thị T nên đã tiến hành kiểm tra, xác minh. Đến 17 giờ 40 phút, Cơ

quan CSĐT đã phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị T vừa có hành vi chuyển bảng ghi số lô, số đề cho Vũ Văn N1 (sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã B). Tang vật thu giữ gồm: thu giữ của Vũ Văn N1 01 tờ giấy A4 có ghi các chữ, số, T và N1 khai đây là bảng ghi số lô, số đề của T mới chuyển cho N1; thu giữ của Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng, T khai đây là tiền của người đến mua số lô, số đề trả cho T.

Ngay sau khi bắt quả tang đối với T, vào lúc 18 giờ 10 phút cùng ngày 29/3/2021, Nguyễn Thị N (vợ của Vũ Văn N1) ra đầu thú với Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn, khai nhận hành vi nhận bảng số lô, số đề của Nguyễn Thị T trước khi T bị bắt. Đồng thời N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 tờ giấy A4 ghi các chữ, số, N khai là bảng số lô, số đề nhận của T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng, gắn sim số 0984.082.565, đã qua sử dụng.

#### Kết quả điều tra chứng minh:

Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị N có mối quan hệ là gì cháu, biết N ghi số lô, số đề nên T cũng ghi số lô, số đề với một số người dân, sau đó tập hợp ghi vào tờ giấy A4 (gọi là bảng lô đề) rồi chuyển cho N để hưởng chênh lệch tiền chiết khấu. Căn cứ tính tiền thắng thua là kết quả xổ số Miền Bắc quay số mở thưởng lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày. Hình thức đánh bạc là mua bán số đề, ba càng hoặc số lô. “Số đề” là 02 chữ số cuối cùng của giải đặc biệt, “ba càng” là 03 chữ số cuối cùng của giải đặc biệt, “số lô” là 02 chữ số cuối cùng của tất cả các giải từ giải đặc biệt đến giải 7 (27 số). Người đánh bạc có thể mua số đề, ba càng với số tiền cụ thể, tỷ lệ trả thưởng trúng đề là 70 lần, tỷ lệ trả thưởng trúng ba càng là 400 lần số tiền đã mua. Đối với số lô được thỏa thuận tính theo điểm, giá mua bán 01 điểm lô là 22.000 đồng, nếu trúng lô thì được trả thưởng 80.000 đồng/điểm. Ngoài ra có thể mua lô xiên, tức là mua 02 số lô khác nhau với số tiền cụ thể, nếu trúng cả 02 số lô thì được trả thưởng bằng 10 lần số tiền đã mua.

Khoảng 16 giờ ngày 29/3/2021, N đến nhà T, tại đây T chuyển cho N 01 bảng lô đề, số tiền đánh bạc trong bảng lô đề này là 4.735.000 đồng (gồm tiền đề là 1.501.000 đồng và 147 điểm lô bằng 3.234.000 đồng). Sau khi N về, T tiếp tục nhận ghi số lô, số đề cho một số người đến mua, tập hợp vào 01 bảng lô đề khác. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, do N có việc bận nên nhờ Vũ Văn N1 đến nhà T nhận bảng lô đề giúp cho N và bị bắt quả tang như đã nêu trên. Số tiền đánh bạc trong bảng lô đề này là 2.968.000 đồng, (gồm tiền đề là 1.509.000 đồng, tiền ba càng là 70.000 đồng, tiền lô xiên là 25.000 đồng và 62 điểm lô bằng 1.364.000 đồng).

Do hành vi đánh bạc của các bị cáo bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số Miền Bắc ngày 29/3/2021, chưa có căn cứ trả thưởng nên số tiền đánh bạc bằng số tiền mua bán số lô, số đề ghi trong bảng lô đề. Như vậy tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị N ngày 29/3/2021 là 7.703.000 đồng (gồm tiền đề là

3.010.000 đồng, tiền lô là 4.598.000 đồng, tiền lô xiên là 25.000 đồng, tiền ba càng là 70.000 đồng).

Nguyễn Thị T khai nhận đã bán các số lô, số đề cho nhiều người nhưng đều không xác định tên, tuổi, địa chỉ của những người này. T chiết khấu cho người mua 20% tiền số đề, 10% tiền lô xiên và ba càng, riêng tiền lô 22.000 đồng/điểm không chiết khấu. Khi chuyển bảng lô đề cho N, T được chiết khấu 27% tiền số đề, 20% tiền lô xiên và ba càng, 200 đồng đối với 01 điểm lô. Ngày 29/3/2021, T đã nhận đủ tiền của người mua số lô, số đề nhưng chưa thanh toán tiền cho N.

Quá trình điều tra, bị cáo N còn khai nhận trong ngày 29/3/2021 có bán số đề, số lô cho một nam thanh niên và sau khi nhận các bảng lô đề đã sử dụng điện thoại di động chụp hình gửi qua tài khoản Zalo để đánh bạc với người khác. Tuy nhiên, ngoài lời khai của N thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh. Cơ quan CSĐT đã áp dụng các biện pháp điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng không đủ căn cứ kết luận do các bảng lô đề trước đó đã bị vứt bỏ, tin nhắn trong tài khoản Zalo đã bị xóa, không thu hồi, khôi phục lại được.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSNS-TA ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn giữ nguyên quan điểm kết tội đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Thị N từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Thị T từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng của Nguyễn Thị N và số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T khi bắt quả tang. Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.703.000 đồng của bị cáo T.

Các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi đánh bạc trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, cũng như lời khai của người làm chứng trong vụ án. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; đơn xin đầu thú; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu... cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 29/3/2021, Nguyễn Thị T bán số lô, số đề cho một số người dân (không rõ họ tên, địa chỉ) sau đó tập hợp vào 02 tờ giấy A4 gọi là bảng lô đề rồi chuyển bảng lô đề, đánh bạc với Nguyễn Thị N. Căn cứ tính kết quả thắng thua là kết quả xổ số Miền Bắc quay số trúng thưởng lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số ngày 29/3/2021, số tiền đánh bạc là 7.703.000 đồng. Số tiền đánh bạc này, Nguyễn Thị T đã nhận của người mua số lô, số đề nhưng chưa thanh toán với Nguyễn Thị N. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T đã phạm vào tội: “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, Vũ Văn N1 là chồng của bị cáo N, không biết N và T đánh bạc với nhau, chỉ giúp N nhận bảng lô đề và bị bắt quả tang lúc 17 giờ 40 phút ngày 29/3/2021 tại nhà bị cáo T, số tiền đánh bạc trong bảng lô đề này dưới 5.000.000 đồng, nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an huyện Nga Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi ấy không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương mà còn gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây là tệ nạn xã hội cần phải được loại trừ, vì nó là nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Xét nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là phạm tội

lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là đầu thú.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, HĐXX thấy cần phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để lên cho mỗi bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Hành vi đánh bạc của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có người tổ chức, không phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi người. Trong đó bị cáo N là người chủ động đến nhà bị cáo T nhận bằng lô đề, tính tiền đánh bạc để thanh toán sau khi có kết quả xổ số, nên bị cáo N giữ vai trò và trách nhiệm cao hơn bị cáo T. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội, mà chỉ cần lên cho mỗi bị cáo một mức án phù hợp, cho các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ tại địa phương dưới sự theo dõi, giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo trở thành người công dân tốt, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: do các bị cáo đều là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo N đang nuôi con nhỏ, bị cáo T là người cao tuổi nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

[3] Về vật chứng: Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của Nguyễn Thị N; số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T khi bắt quả tang. Đây là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.703.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T. Đây là số tiền do phạm tội mà có của bị cáo chưa bị thu giữ trong ngày 29/3/2021.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của BLTTHS.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Thị N);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Thị T);

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T phạm tội: “Đánh bạc”.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Thị N 07(bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14(mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T 07(bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu trắng, số IMEI 1: 356646102735560, số IMEI 2: 356647102735568, đã qua sử dụng, gắn sim số 0984.082.565 và số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T khi bắt quả tang (theo biên bản giao, nhận vật chứng và ủy nhiệm chi ngày 18/6/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn).

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.703.000đ (năm triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Nga Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**